TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2025/DS-PT
Ngày: 22-10-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Bùi Đăng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLPT-DS ngày 13/5/2025 về tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 126/2025/QĐ-PT ngày 18/6/2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 577/TB - PT ngày 09/10/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Viết N, sinh năm: 1964; cư trú tại tại thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm: 1983; cư trú tại thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quang T, sinh năm: 1991; địa chỉ: tổ D, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7461/2025/CCGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 24/9/2025), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1968; cư trú tại thôn N, xã T, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lương Viết N – Nguyên đơn; ông Nguyễn Đình P – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/12/2024, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Lương Viết N thì: ông N có hoạt động kinh doanh thức ăn gia súc, cuối năm 2017 ông P đến cửa hàng của ông thỏa thuận xin đầu tư cám để chăn nuôi gà và heo, phương thức là bên ông đầu tư cám với số lượng từng đợt theo yêu cầu của ông P, ông chở cám giao tận nhà cho ông P. Thông thường thì người mua cám phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cám cho ông sau khi xuất chuồng trong vòng ba tháng rưỡi nhưng trường hợp ông P ông thỏa thuận cho bốn tháng, việc thỏa thuận hai bên chỉ bằng lời nói. Ông P nhận cám của ông từ tháng 10/2017 âm lịch, thời gian đầu bị đơn thực hiện tương đối đúng thỏa thuận nên ông tiếp tục cung cấp cám cho ông P chăn nuôi. Từ tháng 6/2018 âm lịch ông P bắt đầu vi phạm cam kết, không trả đầy đủ tiền cho ông. Đến ngày 14/11/2018 âm lịch ông chấm dứt không cung cấp cám cho ông P. Tổng số tiền cám ông P còn nợ ông tính đến ngày 14/11/2018 âm lịch là 256.658.000đ.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình P phải trả cho ông số tiền mua cám còn nợ là 256.658.000đ, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/11/2018 âm lịch tạm tính cho đến khi giải quyết xong là 256.658.000đ x 1,2% x 75 tháng là 221.752.512đ, tổng cộng là 478.000.000đ.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Đình P thì: vào năm 2018 giữa ông với ông N có thỏa thuận bằng lời nói cụ thể như sau: ông N sẽ cung cấp cám gà cho ông để ông nuôi gà, ông N sẽ cung cấp cho ông từ khi ông nuôi cho đến khi gà ông xuất chuồng thì ông sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền cám mà ông đã mua của ông N. Sau khi thỏa thuận thì ông đã mua cám của ông N. Trong quá trình giao dịch thì ông N chỉ bán cám cho ông được một thời gian sau đó không bán nữa, ông N yêu cầu ông phải trả tiền ngay thì mới bán cám cho ông. Ông N còn đi nói với những đại lý khác là ông đang còn nợ tiền của ông N dẫn đến những đại lý khác không đầu tư cám cho ông. Ông thừa nhận số tiền ông N khởi kiện ông là số tiền hiện nay ông đang nợ của ông N, chữ ký trong giấy chốt nợ là của ông. Qua yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông không đồng ý trả lại cho ông N toàn bộ số tiền nợ gốc trên bởi lý do trong quá trình đầu tư ông N không bán cám cho ông đến khi gà xuất chuồng dẫn đến gà của ông bị chết nên ông không có tiền để trả cho ông N. Ông chỉ đồng ý trả cho ông N 1/3 số tiền gốc mà ông N khởi kiện, đối với tiền lãi thì ông không đồng ý trả. Đối với số gà của ông bị chết do ông N không đầu tư cho đến khi gà của ông xuất chuồng thì ông không có yêu cầu gì.

- Theo lời trình bày của bà Bùi Thị H thì: vào năm 2018 ông P có mua cám của vợ chồng ông, bà. Trong quá trình mua bán thì ông P còn nợ lại vợ chồng ông, bà số tiền là 256.658.000đ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả lại số tiền trên cho ông N.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 29/2025/DS - ST ngày 31/3/2025; Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Viết N về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* với bị đơn ông Nguyễn Đình P.

Buộc ông Nguyễn Đình P phải trả cho ông Lương Viết N số tiền gốc là 256.658.000đ, tiền lãi suất là 10.060.000đ, tổng cộng là 266.718.000đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Viết N về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình P phải trả lại số tiền lãi suất là 211.692.512đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/4/2025 ông Lương Viết N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho ông N toàn bộ số tiền nợ gốc là 256.658.000đ và tiền lãi là 1,2%/tháng tính từ ngày 14/11/2018 âm lịch cho đến ngày xét xử phúc thẩm.

Ngày 06/4/2025 ông Nguyễn Đình P có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Ông Lương Viết N vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Lương Viết N, ông Nguyễn Đình P; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Việc ông P với ông N có xác lập với nhau hợp đồng mua bán cám gà là có xảy ra trên thực tế, được các bên đương sự thừa nhận. Trong quá trình mua bán cám thì vào ngày 14/11/2018 âm lịch giữa các bên có tiến hành đối chiếu công nợ lại với nhau. Quá trình giải quyết vụ án ông P thừa nhận có mua cám của ông N và còn nợ ông N 256.658.000đ. Tuy nhiên, ông P không đồng ý trả lại cho ông N toàn bộ số tiền nợ gốc trên vì cho rằng trong quá trình đầu tư ông N không bán cám cho ông đến khi gà xuất chuồng dẫn đến gà bị chết nên ông không có tiền để trả cho ông N. Ông P chỉ đồng ý trả cho ông N 1/3 số tiền gốc mà ông N đã khởi kiện đồng thời không đồng ý trả lãi.

[2.2] Tại giai đoạn phúc thẩm ông P cho rằng không ký vào giấy xác nhận nợ nên đã có đơn yêu cầu giám định chữ viết "Phối" trên bản chính giấy ghi nợ (TA – LHà 12). Tại kết luận giám định số 265/KL-KTHS (TA) ngày 05/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh L đã kết luận *"Chữ ký "Phối" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Đình P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra"*.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N để buộc ông P phải trả lại cho ông N số tiền mua cám gà còn nợ lại là 256.658.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn cho rằng do nguyên đơn không bán cám cho ông P đến khi gà xuất chuồng dẫn đến gà của bị đơn bị chết nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh; trong vụ án này cũng không có yêu cầu xem xét phần bị thiệt hại (nếu có) nên không đề cập.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông N yêu cầu ông P phải trả lại tiền lãi suất tính từ ngày 14/11/2018 âm lịch tạm tính đến ngày giải quyết xong vụ án là 256.658.000đ x 1,2% x 75 tháng là 221.752.512đ.

Xét thấy, tại giấy ghi nợ giữa ông N và ông P không thể hiện thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ của ông P được tính từ ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện (23/12/2024) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông N yêu cầu tính lãi suất 1,2%/tháng, ông P lại không thừa nhận có thỏa thuận mức lãi suất này, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 1,2%/tháng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp nên cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng). Ngoài ra, ông N kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày xét xử phúc thẩm nên cần điều chỉnh lại như sau: 256.658.000đ x 0,83% x 10 tháng (từ ngày 23/12/2024 đến ngày 22/10/2025) = 21.302.600đ (làm tròn). Tổng số tiền ông P phải trả cho ông N là 277.960.600đ.

[3] Từ những phân tích trên, chấp chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lương Viết N và ông Nguyễn Đình P; sửa Bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

Đối với việc bị đơn cho rằng nguyên đơn có hành vi tiêu thụ hàng giả, trốn thuế thì không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết trong vụ án này nên không đề cập.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 7.800.000đ (ông P đã nộp và đã được Tòa án quyết toán xong). Do kết quả giám định đã xác định chữ ký của ông P đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc nên buộc ông P phải chịu toàn bộ chi phí này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

Lẽ ra, ông Lương Viết N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo Luật Người cao tuổi và có đơn miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định nên căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông N.

Ông Nguyễn Đình P phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Lương Viết N là 13.898.000đ (277.960.600đ x 5%).

Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Nguyễn Đình P không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lương Viết N, ông Nguyễn Đình P; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Viết N về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* đối với ông Nguyễn Đình P.

Buộc ông Nguyễn Đình P phải trả cho ông Lương Viết N 277.960.600đ (hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng), {trong đó nợ

gốc là 256.658.000đ (hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng), nợ lãi là 21.302.600đ (hai mươi mốt triệu ba trăm lẻ hai nghìn sáu trăm đồng)}.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Đình P phải chịu 7.800.000đ chi phí giám định (đã nộp và đã được Tòa án quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Lương Viết N.

Ông Nguyễn Đình P phải chịu 13.898.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005383 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng). Ông P còn phải nộp 13.598.000đ án phí còn thiếu.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình P không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ, Ktr, Ttr & THA (01);
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch